

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày: 14/3/2025

Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Quang Vinh

2. Ông Lý Chí Sung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Tăng Bá Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2024/TLST - DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST – DS ngày 06/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 8, thị trấn U, huyện U, tỉnh Lai Châu.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 21, phường P, thành phố C, tỉnh Lai Châu

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1989,

Địa chỉ: Tổ dân phố số 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2024, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn trình bày:

Ý kiến của nguyên đơn: Ngày 20/3/2023 anh Nguyễn Văn D có ký hợp đồng thuê máy xúc với anh Nguyễn Tiến H1, (anh H1 là em họ anh Nguyễn Văn H). Theo hợp đồng số tiền thuê các bên thỏa thuận là 60.000.000 đồng/tháng. Sau đó do công việc bận nên anh H1 có chuyển cho anh H thực hiện công việc theo hợp đồng đã ký giữa anh H1 và anh D. Anh H đã thực hiện công việc mà anh D và anh H1 thỏa thuận trong thời hạn 04 tháng (từ tháng 3/2023 đến tháng 7/2023). Như vậy, tổng số tiền anh D có nghĩa vụ phải trả cho anh H là

240.000.000 đồng. Sau khi anh H hoàn thành công việc, đã nhiều lần thúc giục anh D thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên. Nhưng anh D không thực hiện, ngày 31/01/2024 anh H đã trực tiếp đến nhà anh D yêu cầu trả tiền, nhưng anh D chưa có tiền để trả, nên hai bên đã làm văn bản thỏa thuận xác nhận nợ và cam kết thanh toán nợ tại Văn phòng Công chứng M với tổng số tiền anh D phải trả cho anh H là 240.000.000 đồng (anh D cam kết từ ngày 31/01/2024 đến ngày 06/02/2024 trả cho anh H số tiền 30.000.000 đồng; từ ngày 07/02/2024 đến ngày 31/7/2024 trả cho anh H số tiền còn lại là 210.000.000 đồng). Ngoài số tiền này anh H không yêu cầu anh D trả cho anh H số tiền nào khác. Sau khi các bên ký văn bản nêu trên, anh D tiếp tục vi phạm các thỏa thuận về nghĩa vụ trả tiền. Nên anh H làm đơn khởi kiện yêu cầu anh D trả cho anh H số tiền 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng chẵn)

Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Văn D: Theo bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2025 (BL 40 – 41) anh Nguyễn Văn D thừa nhận vào tháng 3/2023 anh D có ký hợp đồng thuê máy xúc với anh Nguyễn Tiến H1 là em trai của anh H, nhưng sau đó anh H1 có bảo anh H mang máy xúc đến thực hiện công việc cho anh D. Số tiền thuê máy xúc anh D còn nợ lại anh H là 240.000.000 đồng. Tuy nhiên, do việc làm ăn khó khăn, nên anh D đề nghị anh H được trả dần số tiền này trong năm 2025. Ngoài ra anh D không trình bày ý kiến gì khác.

** Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tiến H1:*

Vào ngày 20/3/2023 anh H1 và anh Nguyễn Văn D đã ký hợp đồng thuê xe (máy xúc lốp, Hyundai 140) để phục vụ thi công công trình của anh D. Đơn giá trong hợp đồng là 60.000.000 đồng/tháng. Thời gian thuê tính từ ngày ký hợp đồng. Tuy nhiên, sau đó do anh H1 bận công việc nên có trao đổi để anh trai của mình là anh Nguyễn Văn H thực hiện các công việc cho anh D theo hợp đồng mà anh H1 và anh D đã ký. Sau khi anh H thực hiện công việc cho anh D, anh D chưa thanh toán tiền thuê cho anh H là 240.000.000 đồng. Đến nay anh H yêu cầu anh D trả số tiền trên, tôi không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu của anh H.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Tiến H1 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 73 BLTTDS.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 254, 271, 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 117, Điều 119, Điều 274, 275, Điều 280 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H đối với anh Nguyễn Văn D về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Buộc anh Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền 240.000.000 đồng (*hai trăm bốn mươi triệu đồng chẵn*).

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận.

- Đề nghị ghi nhận và giải thích về quyền yêu cầu thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H đối với anh Nguyễn Văn D là kiện đòi tài sản, cụ thể là yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền, liên quan đến tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn D có hộ khẩu thường trú tại tổ 21, phường Đ, thành phố C, tỉnh Lai Châu, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Anh Nguyễn Văn D mặc dù được thông báo triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, anh Nguyễn Tiến H1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Tiến H1.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Xét thấy anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Tiến H1 đều thừa nhận: Vào tháng 3/2023 anh Nguyễn Văn D đã làm hợp đồng thuê máy xúc với anh Nguyễn Tiến H1. Do anh H1 bận công việc nên anh Nguyễn Văn H đã thực hiện công việc thay anh H1 theo như hợp đồng đã ký giữa anh H1 và anh D. Anh H1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu trả tiền của anh H đối với anh D. Như vậy, quyền nghĩa vụ của anh H, anh D đã phát sinh từ khi anh H thực hiện công việc thay cho anh H1. Anh H1 không còn quyền, nghĩa vụ với anh D. Anh D không còn nghĩa vụ thanh toán với anh H1. Từ đó anh D phải có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền thuê máy xúc là 240.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với Điều 365, Điều 370 Bộ luật dân sự 2015.

Việc anh D đã cam kết thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho anh H theo văn bản thỏa thuận xác nhận nợ và cam kết thanh toán nợ ngày 31/01/2024 nhưng không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Nên anh H khởi kiện, yêu cầu anh D trả số tiền 240.000.000 đồng (*hai trăm bốn mươi triệu đồng chẵn*) là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận theo quy định tại các Điều 274, 275, 280 Bộ

luật dân sự năm 2015. Anh H không yêu cầu anh D trả lãi đối với số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 274, 275, 280 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H đối với anh Nguyễn Văn D về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Buộc anh Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền 240.000.000 đồng (*hai trăm bốn mươi triệu đồng chẵn*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2]. Về án phí:

2.1. Bị đơn anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

2.2. Hoàn trả lại số tiền 6.000.000 (*Sáu triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí cho anh Nguyễn Văn H đã nộp theo Biên lai thu số 0001028 ngày 25 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lai Châu.

[3]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên

Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố Lai Châu;
- Các đương sự; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS thành phố Lai Châu;
- Lưu hồ sơ - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân Anh